

TÁC ĐỘNG CỦA THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ - NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TRƯỚC VÀ SAU KHI VIỆT NAM GIA NHẬP WTO

THE IMPACT OF INTERNATIONAL TRADE ON ECONOMIC GROWTH - AN INVESTIGATION INTO THE PERIODS BEFORE AND AFTER VIETNAM'S ACCESSION TO THE WTO

Nguyễn Thị Mỹ Linh

TÓM TẮT

Nghiên cứu này tiến hành kiểm định tác động của thương mại quốc tế đến tăng trưởng kinh tế trong trường hợp trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Nghiên cứu đã thu thập dữ liệu chuỗi thời gian theo tần suất quý của tăng trưởng kinh tế và thương mại quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn từ quý I năm 2002 đến quý I năm 2018. Mô hình được sử dụng trong nghiên cứu là mô hình tự hồi quy véctor (VAR), kết quả nghiên cứu cho thấy thương mại quốc tế tác động có ý nghĩa thống kê đến tăng trưởng kinh tế trong trường hợp trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn phản ánh vai trò của WTO đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam, là minh chứng cho thấy Việt Nam đã hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu sau khi gia nhập WTO.

Từ khóa: Tăng trưởng xuất khẩu, tăng trưởng nhập khẩu, cán cân thương mại, thương mại quốc tế, tăng trưởng kinh tế, WTO.

ABSTRACT

This study examines the impact of international trade on economic growth in the periods before and after Vietnam's accession to the WTO. The study collected time series data at the quarterly frequency of economic growth and international trade in Vietnam during the period from the first quarter of 2002 to the first quarter of 2018. The vector autoregressive (VAR) model is used in the study, and the study results show that international trade has a statistically significant impact on economic growth in the periods before and after Vietnam's accession to the WTO. In addition, the research results also reflect the role of the WTO in economic growth in Vietnam, proving that Vietnam has deeply integrated into the global economy after WTO accession.

Keywords: Export growth, import growth, trade balance, international trade, economic growth, WTO.

Trường Đại học Tài chính - Marketing

Email: ntmylinh@ufm.edu.vn

Ngày nhận bài: 25/6/2019

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 19/9/2019

Ngày chấp nhận đăng: 15/10/2019

1. GIỚI THIỆU

Ngày 11/01/2007, Việt Nam được công nhận là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Hội nhập kinh tế quốc tế là động lực chính để nền kinh tế Việt Nam phát triển (Bagnai và các cộng sự, 2013). Đây là cơ hội lớn cho Việt Nam tranh thủ thu hút nguồn vốn và công nghệ hiện đại từ nước ngoài, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức do các tác động tiêu cực từ những bất ổn của kinh tế toàn cầu trong bối cảnh hội nhập kinh tế. Thương mại quốc tế có thể được hiểu là việc trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia trên thế giới. Tầm quan trọng của thương mại quốc tế bắt nguồn từ thực tế là không một quốc gia nào có thể sản xuất tất cả hàng hóa và dịch vụ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của họ do sự khác biệt và hạn chế về nguồn lực. Do vậy, thương mại quốc tế (hay gọi cụ thể là xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại) có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh hội nhập (Adeleye và các cộng sự, 2015). Tại Việt Nam, thương mại quốc tế đã được cải thiện đáng kể, đặc biệt là trong giai đoạn sau khi Việt Nam là thành viên chính thức của WTO. Tỷ lệ nhập siêu so với GDP giảm liên tục từ mức 20% trong giai đoạn 2007-2008 xuống còn 8,2% vào năm 2011, sau đó chuyển sang thặng dư trong khoảng từ 0,1-1,2% GDP trong giai đoạn 2012-2017. Kết quả này có sự cải thiện đáng kể so với giai đoạn 2000-2006, khi mà thâm hụt thương mại trung bình khoảng 8% GDP (Trần Tuấn Anh, 2017). Trong giai đoạn vừa qua, những cải thiện về thương mại quốc tế đã tác động không nhỏ đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Vấn đề này đã được quan tâm nhiều trên các diễn đàn, tuy nhiên vẫn còn thiếu vắng các công trình nghiên cứu thực nghiệm với cơ sở khoa học cao, đặc biệt là các nghiên cứu dưới dạng định lượng. Nhận thấy đây là một vấn đề cấp thiết cả về lý luận cũng như thực tiễn nên tác giả đã thực hiện nghiên cứu này nhằm kiểm định tác động của thương mại quốc tế đến tăng trưởng kinh tế trong trường hợp trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO.

2. LÝ THUYẾT VÀ CÁC NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM

Thương mại quốc tế có thể được hiểu là việc trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia trên thế giới. Đó là tổng hợp các hoạt động liên quan đến giao dịch thương mại giữa các thương gia qua biên giới. Thương gia tham gia vào các hoạt động kinh tế với mục đích tối đa hóa lợi nhuận

được tạo ra từ sự khác biệt giữa môi trường kinh tế quốc tế của các quốc gia (Adedeji, 2006). Các lý thuyết liên quan đến thương mại quốc tế và tăng trưởng kinh tế có thể khái quát như sau:

- Theo Lý thuyết trọng thương ở Châu Âu đã phát triển từ giữa thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XVIII cho rằng, mỗi quốc gia muốn đạt được sự thịnh vượng trong phát triển kinh tế thì phải gia tăng khối lượng tiền tệ bằng phát triển ngoại thương và mỗi quốc gia chỉ có thể thu được lợi ích từ ngoại thương nếu cán cân thương mại dương, có nghĩa là giá trị xuất khẩu lớn hơn giá trị nhập khẩu. Điều này càng có ý nghĩa hơn đối với các nước tài nguyên thiên nhiên hạn chế, phát triển ngoại thương là cần thiết để phát triển đất nước.

- Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith với tác phẩm nổi tiếng "Nghiên cứu về bản chất và nguồn gốc giàu có của các quốc gia", Adam Smith đã đề cao vai trò của thương mại, đặc biệt là ngoại thương đã có tác dụng thúc đẩy nhanh sự phát triển và tăng trưởng kinh tế của các nước, ông cũng cho rằng sức mạnh làm cho nền kinh tế tăng trưởng là do sự tự do trao đổi giữa các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia có những ngành sản xuất có lợi thế so sánh so với các quốc gia khác.

- Lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo. Theo lý thuyết này cho rằng lợi ích thương mại quốc tế bắt nguồn từ sự khác nhau về lợi thế so sánh ở mỗi quốc gia, mà các lợi thế so sánh đó có thể được biểu hiện bằng các chi phí cơ hội khác nhau của mỗi quốc gia, do đó lợi ích của thương mại quốc tế cũng chính là bắt nguồn từ sự khác nhau về các chi phí cơ hội của mỗi quốc gia. Các nước sẽ có lợi khi chuyên môn hóa sản xuất và xuất khẩu những sản phẩm mà họ làm ra với chi phí cơ hội (chi phí so sánh) thấp hơn so với các nước khác, theo đó thúc đẩy kinh tế phát triển hơn.

- Lý thuyết nguồn lực và Thương mại Hecksher - Ohlin với tác phẩm "Thương mại liên khu vực và quốc tế" xuất bản 1933, đã phát triển lợi thế so sánh của David Ricardo thêm một bước bằng việc đưa ra mô hình H-O để trình bày lý thuyết ưu đãi về nguồn lực sản xuất vốn có. Lý thuyết này đã giải thích hiện tượng thương mại quốc tế là do trong một nền kinh tế mở cửa, mỗi quốc gia đều hướng đến chuyên môn hóa các ngành sản xuất mà cho phép sử dụng nhiều yếu tố sản xuất đối với nước đó là thuận lợi nhất. Lý thuyết này đang là quy luật chi phối động thái phát triển của thương mại quốc tế và có ý nghĩa chủ đạo quan trọng đối với các nước đang phát triển, đặc biệt đối với nước kém phát triển, vì nó đã chỉ ra rằng đối với các nước đông dân, nhiều lao động, nhưng nghèo vốn, trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa đất nước, cần tập trung xuất khẩu những hàng hóa sử dụng nhiều lao động và nhập khẩu những hàng hóa sử dụng nhiều vốn. Sự lựa chọn các sản phẩm xuất khẩu phù hợp với các lợi thế so sánh về các nguồn lực sản xuất vốn có như vậy sẽ là điều kiện cần thiết để các nước kém và đang phát triển có thể nhanh chóng hội nhập vào sự phân công lao động và hợp tác quốc tế, trên cơ sở lợi ích thương mại thu được sẽ thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Đối với các yếu tố phản ánh thương mại quốc tế và có tác động đến tăng trưởng kinh tế, có thể chia thành các nhóm như sau:

▪ Tác động của tăng trưởng xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế

Hầu hết các nghiên cứu trước đều cho rằng tăng trưởng xuất khẩu tác động cùng chiều đến tăng trưởng kinh tế. Điều này cho thấy tăng trưởng xuất khẩu có thể giúp tận dụng tối đa nguồn tài nguyên và con người, khuyến khích chuyên môn hóa trong các lĩnh vực mà một quốc gia có lợi thế so sánh, dẫn tới tái phân bổ các nguồn lực một cách hiệu quả, kích thích tăng trưởng kinh tế. Có thể kể đến các nghiên cứu như: Mehmood (2013) khi thu thập dữ liệu về xuất khẩu của Pakistan sang các quốc gia OECD trong giai đoạn 1975-2012 đã cho rằng tồn tại tác động cùng chiều của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế. Trong một nghiên cứu khác, Kalaitzi (2013) đã nghiên cứu mối quan hệ giữa xuất khẩu với tăng trưởng kinh tế tại Các tiểu vương quốc Ả Rập trong giai đoạn 1980-2010; Với việc sử dụng mô hình VAR, kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại tác động cùng chiều của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế. Gần đây, Alaoui (2015) khi nghiên cứu dữ liệu của Ma-rốc trong giai đoạn 1980-2013 đã cho rằng tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế tại quốc gia này. Tại Việt Nam, Thanh Hai Nguyen (2016) đã phân tích tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam; Với dữ liệu được thu thập theo năm trong giai đoạn 1990-2015, nghiên cứu cho rằng tồn tại tác động cùng chiều với độ trễ hai năm của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế.

Ngoài ra, cũng có quan điểm cho rằng tồn tại tác động ngược chiều của tăng trưởng xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế như Faridi (2012) khi nghiên cứu dữ liệu của Pakistan trong giai đoạn 1972-2008. Kết quả nghiên cứu cho rằng xuất khẩu nông nghiệp tác động ngược chiều đến tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, xuất khẩu phi nông nghiệp tác động cùng chiều đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả nghiên cứu còn là minh chứng cho nền kinh tế trong giai đoạn còn gặp nhiều khó khăn thì những mặt hàng xuất khẩu có nhiều sản phẩm thay thế sẽ không kích thích tăng trưởng kinh tế trong thời gian ngắn.

▪ Tác động của tăng trưởng nhập khẩu đến tăng trưởng kinh tế

Đối với tác động của tăng trưởng nhập khẩu đến tăng trưởng kinh tế, một số quan điểm cho rằng tăng trưởng nhập khẩu có tác động cùng chiều đến tăng trưởng kinh tế. Điều này phản ánh rằng nếu tăng trưởng nhập khẩu với cơ cấu phù hợp sẽ thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng, góp phần đổi mới trang thiết bị kỹ thuật và quy trình sản xuất tiên tiến, nâng cao sức cạnh tranh và kích thích tăng trưởng kinh tế. Chẳng hạn như, Yuhong và các cộng sự (2010) khi thu thập dữ liệu về xuất khẩu, nhập khẩu và tăng trưởng kinh tế ở Trung Quốc đã cho rằng tồn tại tác động cùng chiều của nhập khẩu đến tăng trưởng kinh tế; trong khi đó, nghiên cứu chưa tìm thấy tác động có ý nghĩa của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế. Trong một nghiên cứu khác,

Hussain & Saeed (2014) phân tích mối quan hệ giữa xuất khẩu, nhập khẩu và tăng trưởng kinh tế tại Ả Rập Saudi trong giai đoạn 1990-2011, kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại mối quan hệ hai chiều giữa nhập khẩu và xuất khẩu với tăng trưởng kinh tế.

▪ Tác động của tăng trưởng cán cân thương mại đến tăng trưởng kinh tế

Cán cân thương mại phản ánh những thay đổi trong xuất khẩu và nhập khẩu của một quốc gia trong một khoảng thời gian nhất định, cũng như mức chênh lệch giữa xuất khẩu so với nhập khẩu. Tồn tại khá ít nghiên cứu đề cập đến tác động của tăng trưởng cán cân thương mại (phản ánh thương mại quốc tế) đến tăng trưởng kinh tế. Có thể kể đến nghiên cứu của Adeleye và các cộng sự (2015) khi kiểm định tác động của thương mại quốc tế thể hiện qua tăng trưởng xuất khẩu, tăng trưởng nhập khẩu và cán cân thương mại đến tăng trưởng kinh tế tại Nigeria trong giai đoạn 1985-2012, kết quả nghiên cứu cho thấy tăng trưởng kinh tế bị tác động cùng chiều bởi cán cân thương mại và tăng trưởng xuất khẩu.

3. MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Theo lý thuyết, tăng trưởng kinh tế chịu tác động của rất nhiều yếu tố. Tuy nhiên, trong giới hạn phạm vi nghiên cứu của bài báo này, tác giả chỉ nghiên cứu tác động của thương mại quốc tế đến tăng trưởng kinh tế và nghiên cứu trường hợp trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Căn cứ vào các nghiên cứu thực nêu trên, tác giả xây dựng mô hình các yếu tố phản ánh thương mại quốc tế và có tác động đến tăng trưởng kinh tế gồm: tăng trưởng xuất khẩu, tăng trưởng nhập khẩu và cán cân thương mại. Ngoài ra, tác giả đưa thêm biến giả phản ánh Việt Nam gia nhập WTO vào mô hình nghiên cứu nhằm kiểm định tác động của WTO đến tăng trưởng kinh tế, điều này được tác giả kỳ vọng sẽ tạo tính phù hợp cũng như tính mới của nghiên cứu so với các công trình nghiên cứu trước. Theo đó, tác giả sử dụng mô hình VAR để kiểm định tác động của thương mại quốc tế đến tăng trưởng kinh tế trong trường hợp trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO với phương trình dự kiến như sau:

$$GDP_t = \alpha_0 + \alpha_{1j}GDP_{t-j} + \alpha_{2j}GEX_{t-j} + \alpha_{3j}GIM_{t-j} + \alpha_{5j}GBT_{t-j} + \alpha_5WTO_t + \epsilon_t$$

Trong đó:

+ GDP_t là tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam trong quý t.

+ GEX_{t-j} là tăng trưởng xuất khẩu tại Việt Nam trong quý t-j.

+ GIM_{t-j} là tăng trưởng nhập khẩu tại Việt Nam trong quý t-j.

+ GBT_{t-j} là tăng trưởng cán cân thương mại tại Việt Nam trong quý t-j.

+ WTO là biến giả phản ánh Việt Nam gia nhập WTO (WTO nhận giá trị 0 đối với giai đoạn trước khi Việt Nam được công nhận là thành viên chính thức của WTO, ngày 11/01/2007, ngược lại sẽ nhận giá trị 1).

+ ε_t là sai số.

Các biến sử dụng trong mô hình nghiên cứu như trong bảng 1.

Bảng 1. Các biến sử dụng trong mô hình nghiên cứu

Biến	Nguồn dữ liệu	Nguồn tài liệu tham khảo
Biến phụ thuộc		
Tăng trưởng kinh tế (GDP) (%)	Tổng cục Thống kê Việt Nam	Adeleye và các cộng sự (2015), Alaoui (2015), Faridi (2012), Hussain & Saeed (2014), Kalaitzi (2013), Mehmood (2013), Thanh Hai Nguyen (2016), Yuhong và các cộng sự (2010).
Biến độc lập		
Tăng trưởng xuất khẩu (GEX) (%)	Tổng cục Hải quan Việt Nam	Adeleye và các cộng sự (2015), Alaoui (2015), Faridi (2012), Kalaitzi (2013), Mehmood (2013), Thanh Hai Nguyen (2016).
Tăng trưởng nhập khẩu (GIM) (%)	Tổng cục Hải quan Việt Nam	Hussain & Saeed (2014), Yuhong và các cộng sự (2010).
Tăng trưởng cán cân thương mại (GBT) (%)	Tổng cục Hải quan Việt Nam	Adeleye và các cộng sự (2015)
WTO	Biến giả phản ánh 2 giai đoạn, trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO	Tác giả đề xuất
Biến kiểm soát		

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

4. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập theo tần suất quý trong giai đoạn từ quý I năm 2002 đến quý I năm 2018. Trong đó, tăng trưởng kinh tế được thu thập dữ liệu từ nguồn của Tổng cục Thống kê Việt Nam. Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại được thu thập dữ liệu từ nguồn của Tổng cục Hải quan Việt Nam.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định lượng theo mô hình tự hồi quy vectơ (VAR) nhằm kiểm định tác động của thương mại quốc tế đến tăng trưởng kinh tế trong trường hợp trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Việc sử dụng mô hình VAR được Kalaitzi (2013) và một số nghiên cứu khác sử dụng, đồng thời phù hợp với tính chất của mẫu dữ liệu theo chuỗi thời gian đã thu thập được.

5. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

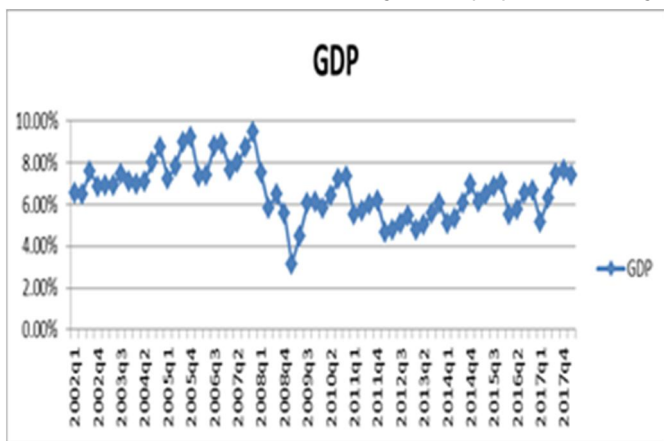
5.1. Thống kê mô tả

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập theo quý, từ quý I năm 2002 đến quý I năm 2018 với các biến số được mô tả trong bảng 2.

Bảng 2. Thống kê mô tả các biến

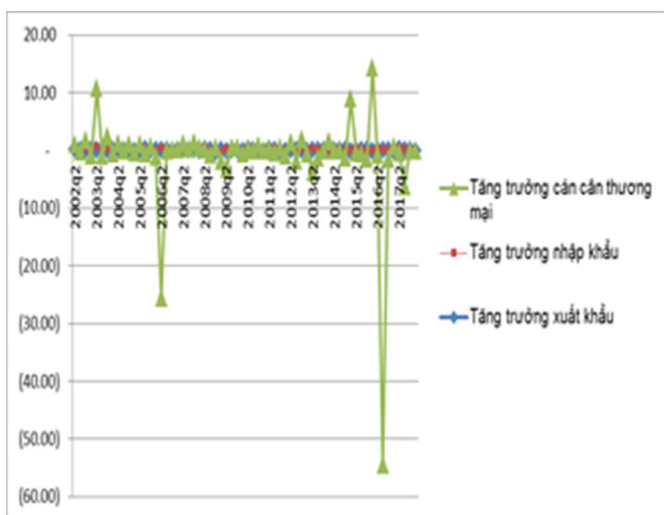
Biến	Trung bình	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Tăng trưởng kinh tế (%)	6,63	3,14	9,45
% tăng trưởng giá trị xuất khẩu	0,5	-0,22	0,33
% tăng trưởng giá trị nhập khẩu	0,5	-0,23	0,51
% tăng trưởng cán cân thương mại	-1,06	-54,62	14,44

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả



Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Hình 1. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn từ Quý I/2002 đến Quý I/2018



Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Hình 2. % tăng trưởng giá trị xuất khẩu, nhập khẩu và cán thanh toán của Việt Nam giai đoạn từ Quý I/2002 đến Quý I/2018

Từ kết quả thống kê mô tả (hình 1, 2) ta thấy, các chỉ tiêu được dùng để đưa vào mô hình nghiên cứu đều thu thập đủ dữ liệu trong giai đoạn nghiên cứu. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt giá trị cao nhất vào quý IV năm 2007, thấp nhất vào quý I năm 2009. Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam đạt giá trị cao nhất vào quý IV năm 2017 và thấp nhất vào quý I năm 2002. Đối với cán cân thương mại của Việt Nam, đạt giá trị cao nhất vào quý III năm 2017 và thấp nhất vào quý I năm 2008.

5.2. Kiểm định tính dừng

Tác giả sử dụng kiểm định Dickey-Fuller để kiểm định tính dừng của các chuỗi dữ liệu. Với giả thuyết H_0 là chuỗi dữ liệu không có tính dừng.

Bảng 3. Kiểm định tính dừng

Yếu tố	Mức ý nghĩa
Tăng trưởng kinh tế (GDP)	0,0354**
Tăng trưởng xuất khẩu (GEX)	0,0000***
Tăng trưởng nhập khẩu (GIM)	0,0000***
Tăng trưởng cán cân thương mại (GBT)	0,0000***

Ghi chú: ** và *** có ý nghĩa tương ứng ở mức 5% và 1%

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Bảng 3 cho thấy tất cả các chuỗi dữ liệu gốc đều có tính dừng ở mức ý nghĩa 1% và 5%. Do vậy, các chuỗi dữ liệu này phù hợp để đưa vào phân tích theo mô hình VAR.

5.3. Kết quả mô hình

Qua quá trình kiểm định độ trễ tối ưu của mô hình, tác giả xác định sử dụng mô hình VAR ở độ trễ 3. Việc xác định này được căn cứ theo Lutkepohl (2005) với các tiêu chí LR, FPE và AIC thu được kết quả như bảng 4.

Bảng 4. Kiểm định độ trễ cho mô hình VAR

lag	LL	LR	p	FPE	AIC	HQIC	SBIC
0	77,6003			1,2e-06	-2,28198	-2,17348	-2,00514
1	126,416	97,631	0,000	4,1e-07	-3,35789	-3,03241*	-2,52739*
2	146,181	39,53	0,001	3,7e-07	-3,48134	-2,93887	-2,09716
3	169,731	47,099*	0,000	2,9e-07*	-3,72887*	-2,96941	-1,79102

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

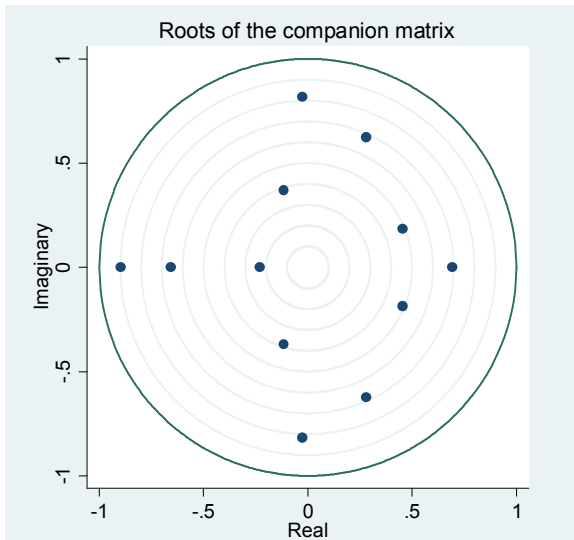
Kết quả mô hình VAR như bảng 5.

Bảng 5. Kết quả mô hình VAR

Biến	Hệ số hồi quy	Mức ý nghĩa
Hằng số	0,0197432	0,001***
GDP(-1)	0,664178	0,000***
GDP(-2)	0,1017355	0,492
GDP(-3)	0,046071	0,663
GEX(-1)	0,0264422	0,015**
GEX(-2)	-0,0173634	0,099*
GEX(-3)	-0,0479969	0,000**
GIM(-1)	0,0033976	0,647
GIM(-2)	-0,005285	0,514
GIM(-3)	-0,0112677	0,132
GBT(-1)	-8,81e-06	0,920
GBT(-2)	0,0000676	0,428
GBT(-3)	-0,0001881	0,035**
WTO	-0,0062518	0,001***

Ghi chú: *, ** và *** có ý nghĩa tương ứng ở mức 10%, 5% và 1%

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả



Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

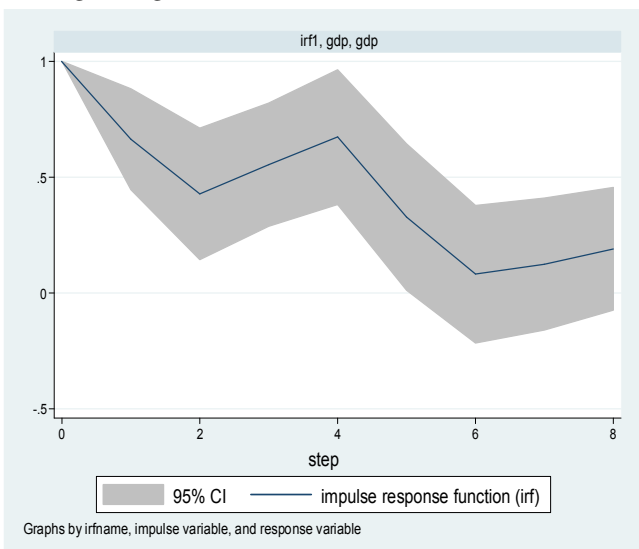
Hình 3. Vòng tròn đơn vị

Kết quả kiểm định sự ổn định của mô hình cho thấy các nghiệm đều nằm trong vòng tròn đơn vị nên mô hình VAR với độ trễ 3 có tính ổn định và phù hợp (hình 3).

5.4. Thảo luận

Kết quả mô hình VAR và phân tích phản ứng đẩy cho thấy:

-Tác động của cú sốc tăng trưởng kinh tế trong quá khứ đến tăng trưởng kinh tế ở hiện tại (hình 4).



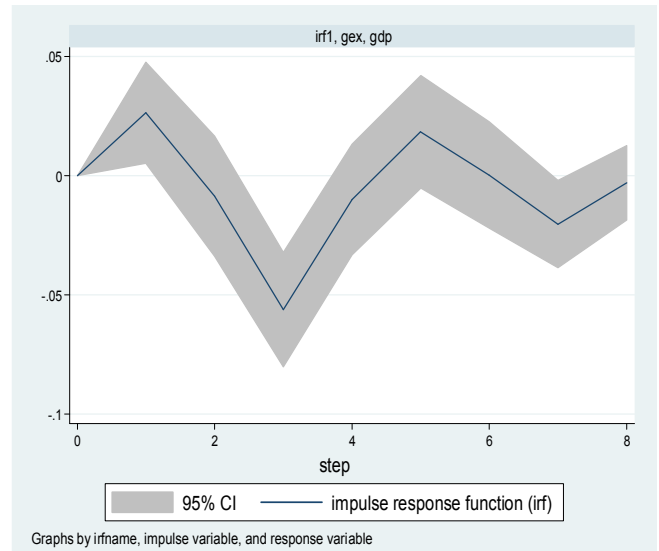
Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Hình 4. Tác động của cú sốc tăng trưởng kinh tế trong quá khứ đến tăng trưởng kinh tế ở hiện tại

Tăng trưởng kinh tế ở hiện tại bị tác động cùng chiều bởi các cú sốc của chính yếu tố này trong quá khứ với độ trễ một quý ở mức ý nghĩa 1%. Điều này cho thấy rằng khi nền kinh tế tăng trưởng tốt trong quá khứ sẽ kích thích nền kinh tế ở hiện tại tăng trưởng theo, tác động này thể hiện khá rõ sau một quý. Tuy nhiên, nếu không có chính sách phù hợp để giúp tăng trưởng kinh tế một cách bền vững trước các khó khăn của nền kinh tế thì có thể dẫn đến tốc

độ tăng trưởng kinh tế suy giảm ở các quý tiếp theo, điều này được thể hiện trong phân tích phản ứng đẩy ở hình 4.

-Tác động của tăng trưởng xuất khẩu trong quá khứ đến tăng trưởng kinh tế ở hiện tại (hình 5).



Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

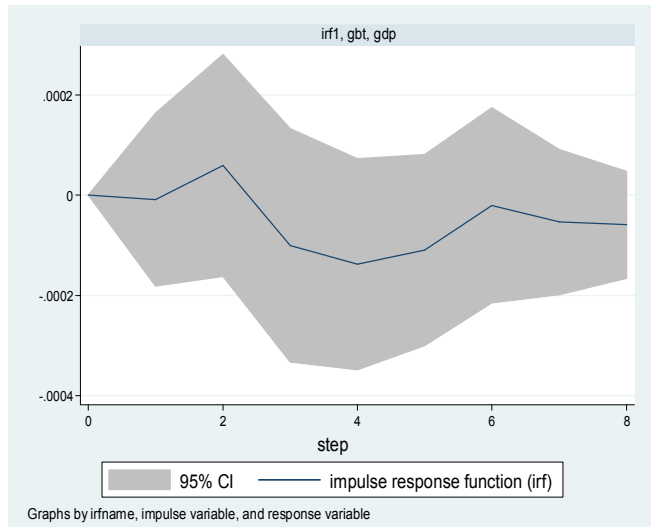
Hình 5. Tác động của tăng trưởng xuất khẩu trong quá khứ đến tăng trưởng kinh tế ở hiện tại

Xuất khẩu trong quá khứ với độ trễ một quý tác động cùng chiều đến tăng trưởng kinh tế ở hiện tại ở mức ý nghĩa 5%. Tuy nhiên, với độ trễ hai và ba quý, xu hướng tác động này đảo chiều và mạnh dần với độ trễ 3 quý. Điều này cho thấy, trong giai đoạn nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, giá trị xuất khẩu chưa kích thích tăng trưởng kinh tế trong thời gian ngắn (đặc biệt là ở độ trễ hai và ba quý), kết quả này khá phù hợp với kết quả nghiên cứu của Faridi (2012). Tăng trưởng kinh tế phản ứng tích cực ngay trong thời gian ngắn (khoảng một kỳ) trước các biến động của xuất khẩu. Tuy nhiên, trước những khó khăn của nền kinh tế, xuất khẩu chưa kích thích được tăng trưởng kinh tế một cách rõ ràng trong khoảng thời gian từ hai đến ba kỳ. Do vậy, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, ngoài việc gia tăng xuất khẩu, cần thực hiện đồng bộ các chính sách một cách phù hợp và linh hoạt. Ngoài ra, dựa vào kết quả phân tích phản ứng đẩy ở hình 5 ta thấy, xuất khẩu có tác động cùng chiều khá rõ nét đến tăng trưởng kinh tế sau bốn và năm quý. Điều này khá phù hợp với các nghiên cứu trước như Adeleye và các cộng sự (2015), Alaoui (2015), Kalaitzi (2013), Mehmood (2013), Thanh Hai Nguyen (2016).

-Tác động của tăng trưởng cán cân thương mại trong quá khứ đến tăng trưởng kinh tế ở hiện tại (hình 6).

Tăng trưởng cán cân thương mại trong quá khứ có tác động ngược chiều đến tăng trưởng kinh tế sau ba quý với mức ý nghĩa 5%. Kết quả này có chiều tác động khác biệt so với nghiên cứu của Adeleye và các cộng sự (2015). Điều này cho thấy, mặc dù thâm hụt thương mại của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể trong giai đoạn sau khi Việt Nam được công nhận là thành viên chính thức của WTO, nhưng

do các tác động tiêu cực từ khủng hoảng kinh tế toàn cầu nên tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chưa gia tăng nhiều. Tuy nhiên, đứng trước các khó khăn của nền kinh tế toàn cầu trong bối cảnh hội nhập, để giữ được tăng trưởng kinh tế như giai đoạn vừa qua thì cán cân thương mại đóng góp vai trò không hề nhỏ.



Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Hình 6. Tác động của tăng trưởng cán cân thương mại trong quá khứ đến tăng trưởng kinh tế ở hiện tại

-Tác động của WTO đến tăng trưởng kinh tế.

Kết quả nghiên cứu với biến giả phản ánh WTO tác động ngược chiều đến tăng trưởng kinh tế với mức ý nghĩa 1%. Như vậy, sau khi Việt Nam được công nhận là thành viên chính thức của WTO, dưới tác động của hội nhập kinh tế toàn cầu, tăng trưởng kinh tế Việt Nam giảm hơn so với trước. Điều này có thể lý giải rằng, tác động của WTO đến tăng trưởng kinh tế được thể hiện khá rõ nét sau khi Việt Nam gia nhập WTO, Việt Nam đã hội nhập với nền kinh tế toàn cầu nên việc các tác động tiêu cực từ những bất ổn của khủng hoảng kinh tế toàn cầu mang lại khiến cho tăng trưởng kinh tế giảm sút là điều dễ hiểu, ngoài ra, với quốc gia nhập siêu như Việt Nam, sau khi hội nhập với nền kinh tế toàn cầu, chắc chắn sẽ có nhiều cơ hội sau đó, nhưng trước mắt là những thách thức về cạnh tranh thương mại sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế. Biến giả WTO tác động có ý nghĩa thống kê cũng phản ánh vai trò của WTO đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam, là minh chứng cho thấy Việt Nam đã hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu sau khi gia nhập WTO.

Với bộ dữ liệu đưa vào nghiên cứu, tác giả chưa tìm thấy tác động có ý nghĩa thống kê của tăng trưởng nhập khẩu đến tăng trưởng kinh tế.

6. KẾT LUẬN

Với mục tiêu kiểm định mối tác động của thương mại quốc tế đến tăng trưởng kinh tế trong trường hợp trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO, nghiên cứu đã sử dụng mô hình tự hồi quy vectơ (VAR) để làm sáng tỏ vấn đề cần nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thương mại quốc

tế được phản ánh thông qua xuất khẩu và cán cân thương mại tác động có ý nghĩa thống kê đến tăng trưởng kinh tế trong trường hợp trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn phản ánh vai trò của WTO đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam, là minh chứng cho thấy Việt Nam đã hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu sau khi gia nhập WTO. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để góp phần giúp nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý, cũng như các nhà nghiên cứu thấy rõ được tác động của thương mại quốc tế và vai trò của WTO đối với tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, nghiên cứu còn gặp phải một số hạn chế như: chưa đề cập thêm một số biến kiểm soát có thể tác động đến tăng trưởng kinh tế trong trường hợp trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO, dữ liệu đưa vào nghiên cứu khá ngắn do đặc thù dữ liệu của Việt Nam,... đây cũng là hướng nghiên cứu cho các bài nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Adejebi, 2006. *Writing and Research Proposal in G.O. Research Methods in Education*. Ibadan University Printery.
- [2]. Adeleye, Adeteye, Adewuyi, 2015. *Impact of International Trade on Economic Growth in Nigeria (1988-2012)*. International Journal of Financial Research, Vol. 6, No. 3, pp.163-172.
- [3]. Alaoui, 2015. *Causality and co-integration between export, import, and economic growth: evidence from Morocco*.
- [4]. Bagnai, Rieber, Tran, 2013. *Economic growth and balance of payments constraint in Vietnam*. Working Papers.
- [5]. Faridi, 2012. *Contribution of agricultural exports to economic growth in Pakistan*. Pakistan Journal of Commerce and Social Science, Vol. 6(1), pp.133-146.
- [6]. Hussain & Saaed, 2014. *Export and GDP in Pakistan: Evidence from Causality and Cointegration Analysis*. International Journal of Management Cases (IJMC), Vol.16.
- [7]. Kalaitzi, 2013. *Exports and Economic Growth in the United Arab Emirates*. Submitted to: RIBM Doctoral Symposium, Manchester Metropolitan University Business School.
- [8]. Lutkepohl, 2005. *New Introduction to Multiple Time Series Analysis*. New York: Springer.
- [9]. Mehmood, 2013. *Do Exports and Economic Growth Depend on each other at Intergovernmental Organization Level Trade: An Empirical Study*. Academy of Contemporary Research Journal, Vol. 4, pp.152-160.
- [10]. Smith, 1776. *An Enquiry into the nature of causes of wealth of the Nation*. Gulbenklam, Lisbon.
- [11]. Thanh Hai Nguyen, 2017. *Impact of Export on Economic Growth in Vietnam: Empirical Research and Recommendations*. International Business and Management, Vol. 13, pp.45-52.
- [12]. Trần Tuấn Anh, 2017. *Tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam dưới tác động của hội nhập WTO*. <https://ngkt.mofa.gov.vn/tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-cua-viet-nam-duoi-tac-dong-cua-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-tu-sau-khi-gia-nhap-wto/>
- [13]. Yuhong, Zhongwen, Changjian, 2010. *Research on the Relationship between Foreign Trade and the GDP Growth of East China-Empirical Analysis Based on Causality*. Modern Economy, Vol. 1, pp. 118-124.

AUTHOR INFORMATION

Nguyễn Thị My Linh

University of Finance - Marketing